

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày: 19/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Thẩm phán: Ông Lương Quang;

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Xuân Thương;

- Ông Lê Xuân Dũng;

- Ông Cao Xuân Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Kha – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Hồng Minh - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Bá L (tên khác: Năm L), sinh năm 1960; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L (chết) và bà Lê Thị M (chết); có vợ Huỳnh Thị H, sinh năm 1964 và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 11/02/1984 bị Ủy ban nhân dân tỉnh P quyết định cưỡng bức lao động 24 tháng tại Trại Lao động B, tỉnh P theo quyết định số 184/QĐ về hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản; bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 22/02/2018; có mặt.

- Người bào chữa: Ông Nguyễn Hương Q - Luật sư, Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Phan Văn N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3. Nguyễn Xuân D, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

4. Trần Minh T, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị T, Sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Lê Thị H, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3. Võ Thị P, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

4. Phạm Ngọc A, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

5. Đào Trọng K, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

6. Thái Đình T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989; vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1992; vắng mặt.

3. Lê O, sinh năm 1975; vắng mặt.

4. Lê Bá T, sinh năm 1974; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2017 bằng thủ đoạn gian dối, Nguyễn Bá L nói với các anh Nguyễn Ngọc H, Trần Minh T, Phan Văn N và Nguyễn Xuân D có khả

năng xin việc làm, xin giấy phép khai thác cát và xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất, để chiếm đoạt 1.005.000.000.000đ tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 01/2015, Nguyễn Bá L quen biết anh Nguyễn Ngọc H, L biết anh H đang xin cho Thái Đình T, Đào Thị Phương T và Phạm Ngọc A là cháu của anh H vào làm việc trong ngành Công an nhưng không được, L nói với anh H: L quen biết nhiều cán bộ tỉnh Phú Yên, ông N - Giám đốc Công an tỉnh Bình Định và Lê Bá T - Cán bộ Công an tỉnh Phú Yên nên có khả năng xin vào làm tại Công an tỉnh. Tin L nói là thật anh H nhờ L xin việc cho Thái Đình T, Đào Thị Phương T và Phạm Ngọc A. L nói xin việc cho Thái Đình T giá 40.000.000đ, Đào Thị Phương T giá 160.000.000đ và Phạm Ngọc A giá 110.000.000đ, tổng cộng là 310.000.000đ. Anh H đồng ý, L bảo anh H về làm hồ sơ và chuẩn bị tiền. Sau đó L gọi điện yêu cầu anh H đưa tiền cho L, từ tháng 01/2015 đến ngày 18/6/2018. anh H 07 lần đưa tiền cho L để lo chi phí xin việc, lần đưa ít nhất 20.000.000đ, lần nhiều nhất 90.000.000đ. L viết giấy nhận của anh H tổng cộng 270.000.000đ. Sau khi nhận tiền L không xin việc như đã hứa mà sử dụng mua vé số, tiêu xài cá nhân. Khi phát hiện L không xin việc, anh H yêu cầu L trả lại tiền, trong tháng 6/2016 và tháng 4/2017 L đã trả lại cho anh H 210.000.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 7/2015, Nguyễn Bá L quen biết anh Trần Minh T, qua tìm hiểu L biết anh T có nhu cầu xin việc làm cho con gái là Trần Thị T là Dược sĩ mới ra trường. L nói có nhiều mối quan hệ, quen biết nhiều cán bộ làm ở Sở y tế tỉnh Phú Yên nên có khả năng xin làm, anh T tin tưởng nên nhờ L xin cho Trần Thị T vào làm tại Trạm y tế xã Đ, huyện S. L nói giá 70.000.000đ và yêu cầu đưa trước 30.000.000đ, khi nào nhận quyết định đưa tiếp 40.000.000đ. Ngày 09/8/2015, anh T đến quán cà phê B, Phường 8, thành phố T đưa cho L 30.000.000đ, L viết giấy nhận 30.000.000đ, việc đưa nhận tiền có Trần Thị T, Trần Thị L và Nguyễn Thị Hoàng N chứng kiến. Sau đó L gọi điện nói với anh T là cán bộ Sở Y tế cần thêm 20.000.000đ mới có quyết định đi làm. Tin tưởng L nói thật, ngày 19/9/2015 anh T đưa 20.000.000đ cho chị Lê Thị H và Trần Thị T đem đến quán cà phê T, đường T đưa cho L, L viết giấy nhận 20.000.000đ. Khi phát hiện L không xin việc như đã hứa anh T yêu cầu L trả lại tiền. Ngày 17/7/2017, L viết giấy nhận 50.000.000đ và hẹn trả tiền, trong tháng 8/2017 L trả lại cho anh T 20.000.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng giữa tháng 5/2017, Nguyễn Bá L và anh Phan Văn N quen nhau, L biết anh N đang có nhu cầu xin giấy phép khai thác cát nên nói với anh N là quen nhiều người làm ở tỉnh Phú Yên, ông N1 - Giám đốc Công an tỉnh Bình Định và cán bộ làm ở thị xã S nên sẽ xin được giấy phép khai thác cát. Tin L, anh N nhờ L xin giúp giấy phép khai thác cát tại thôn P, xã X, thị xã S. L đồng ý và nói anh N đưa cho L trước 250.000.000đ để làm hồ sơ. Ngày 24/5/2017, anh N cùng vợ là Võ Thị P đến quán B, ở thôn L, xã B, thành phố T gặp đưa cho L 200.000.000đ,

L viết giấy nhận 200.000.000đ và hứa ngày 24/7/2017 sẽ có giấy phép. Đến khoảng giữa tháng 6/2017 L gọi điện yêu cầu anh N đưa cho L 15.000.000đ và khoảng giữa tháng 7/2017 L tiếp tục yêu cầu anh N đưa cho L 20.000.000đ để lo làm giấy phép cho nhanh. Tổng số tiền L đã nhận của anh N là 235.000.000đ, sau khi nhận tiền L không xin giấy phép cho anh N mà tiêu xài cá nhân và mua vé số.

Vụ thứ tư: Do tin tưởng Nguyễn Bá L sẽ xin được giấy phép, nên khoảng 6/2017 anh Phan Văn N giới thiệu L với anh Nguyễn Xuân D. Qua liên lạc trao đổi L biết anh D có nhu cầu chuyển hai thửa đất trồng cây lâu năm tại thôn P, xã X, thị xã S sang đất nuôi trồng thủy sản. L nói với anh D, L quen nhiều cán bộ làm ở Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S nên có khả năng và sẽ làm được hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho anh D. Tin tưởng L có khả năng xin chuyển đổi được mục đích sử dụng đất nói trên nên anh D nhờ L làm giúp, L đồng ý và nói chi phí làm hồ sơ 300.000.000đ, L yêu cầu anh D đưa trước 150.000.000đ. Ngày 12/6/2017, anh D đến quán cà phê P, xã A đưa cho L 150.000.000đ có sự chứng kiến của các anh Lê O và Lê Văn N, L viết giấy nhận 150.000.000đ. Sau đó, L điện thoại yêu cầu đưa thêm tiền để làm hồ sơ, ngày 18/6/2017 anh D đem 50.000.000đ đến quán cà phê P đưa cho L. Sau đó, L tiếp tục gọi điện thoại cho anh D nói hồ sơ gặp khó khăn yêu cầu anh D chuyển thêm tiền cho L để làm cho xong, từ ngày 20/6/2017 đến ngày 25/8/2017 anh D 07 lần nộp vào tài khoản 3540123 của L mở tại Ngân hàng K, Chi nhánh Phú Yên, tổng cộng 250.000.000đ. Tổng số tiền L đã nhận của anh D 450.000.000đ, sau khi nhận tiền, L không làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất mà sử dụng tiêu xài cá nhân.

Bản kết luận giám định số 409/GĐ-PC45 ngày 20/12/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định là 03 giấy nhận tiền, so với chữ viết Nguyễn Bá L là do cùng một người viết ra.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-P1 ngày 05/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Bá L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Ban đầu bị cáo Nguyễn Bá L khai, bị cáo chỉ chiếm đoạt của anh Nguyễn Ngọc H số tiền 210.000.000đ, chứ không phải 270.000.000đ; trong số tiền 235.000.000đ chiếm đoạt của anh Phan Văn N, bị cáo đưa cho anh Nguyễn Ngọc H 40.000.000đ tiền môi giới; trong số tiền 450.000.000đ của anh Nguyễn Xuân D có 300.000.000đ anh D cho bị cáo mượn để làm ăn; sau khi nhận được tiền của các bị hại thì bị cáo có đưa cho Lê Bá T - cán bộ Công an tỉnh Phú Yên và người tên N1 (đã chết) để Lê Bá T và N1 lo việc cho các bị hại; ngoài ra bị cáo không bỏ trốn mà tự nguyện báo chỗ ở của mình cho cơ quan Điều tra làm việc. Tuy nhiên, quá trình tranh tụng bị cáo lại thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan, bị cáo xin Tòa giảm nhẹ

hình phạt.

Các bị hại đều khai, tình tiết vụ án diễn ra như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng; các bị hại đều đề nghị xét xử nghiêm đối với bị cáo và buộc bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999; phạt bị cáo Nguyễn Bá L từ 13 đến 14 năm tù và bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Luật sư Nguyễn Hương Q bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, trước khi khởi tố bị cáo đã trả cho bị hại Nguyễn Ngọc H 210.000.000đ, trả cho Trần Minh T 20.000.000đ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không chiếm đoạt số tiền này; ngoài ra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường một phần thiệt hại, hiện bị cáo bị tai biến, cao huyết áp mất khả năng lao động; do đó áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định mức án thấp hơn mức án mà Kiểm sát viên đề nghị cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên không nhất trí với đề nghị của người bào chữa, giữ nguyên lời luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Bá L tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng với các tài liệu là chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 6

năm 2017; để có tiền tiêu xài cá nhân, mua vé số, Nguyễn Bá L đã nói dối với anh Nguyễn Ngọc H là quen nhiều cán bộ, trong đó có ông Nguyễn Bá N - Giám đốc Công an tỉnh Bình Định, ông Lê Bá T - Cán bộ Công an tỉnh Phú Yên, L có khả năng xin cho người thân anh H vào làm việc tại Công an tỉnh; L nói với anh Trần Minh T có quen biết nhiều cán bộ làm ở Sở Y tế tỉnh Phú Yên, có khả năng xin cho con anh T vào làm việc tại Trạm Y tế xã Đ, huyện S; L nói với anh Phan Văn N và anh Nguyễn Xuân D, L quen nhiều người làm việc tại tỉnh Phú Yên, quen ông N - Giám đốc Công an tỉnh Bình Định và cán bộ làm ở thị xã S, nên sẽ xin được giấy phép khai thác cát cũng như chuyển đổi được mục đích quyền sử dụng đất. Tin tưởng L, Nguyễn Ngọc H đã đưa cho L 270.000.000đ, Phan Văn N đưa 235.000.000đ, Nguyễn Xuân D đưa 450.000.000đ; Trần Minh T đưa 50.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, L không xin việc làm, không xin giấy phép khai thác cát, quyết định chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất như đã hứa với các bị hại, mà chiếm đoạt tổng số tiền 1.005.000.000đ (*Một tỷ không trăm linh năm triệu đồng*). Tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo đưa ra thông tin gian dối và nhận được tiền của những người bị hại tin tưởng giao cho bị cáo; do đó, Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-P1 ngày 05/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Bá Lạc về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng tội; chứ không thể trừ đi số tiền mà bị cáo đã trả lại cho các bị hại trước khi khởi tố như người bào chữa đề nghị.

[3] Xét tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử, thấy: Bị cáo Nguyễn Bá L là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng vì lợi ích cá nhân, thái độ xem thường pháp luật, đã lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tiền của người bị hại; khi sự việc bị phát hiện bị cáo liền bỏ trốn gây trở ngại cho hoạt động điều tra. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an - xã hội ở địa phương, bản thân bị cáo đã từng bị cưỡng bức lao động về hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản; nên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kế là không có cơ sở chấp nhận, mà chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên để xử lý nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo đã nhìn nhận được hành vi sai trái mà thành khẩn khai báo, đồng thời trả lại cho Nguyễn Ngọc H 210.000.000đ, trả cho Trần Minh T 20.000.000đ; sau khi bị bắt đã tác động gia đình nộp bồi thường 5.500.000đ để khắc phục một phần thiệt hại, hiện bị cáo bị tai biến, cao huyết áp mất khả năng lao động; nên áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, để lượng hình cho phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại và bị cáo thỏa thuận; bị cáo bồi thường cho Nguyễn Xuân D 450.000.000đ; bồi thường cho Phan Văn N 235.000.000đ; tiếp tục bồi thường số tiền còn chiếm đoạt cho Nguyễn Ngọc H 60.000.000đ; cho Trần Minh T 30.000.000đ. Xét sự thỏa thuận của các bị hại với bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Tuyên trả số tiền 5.500.000đ cho những người bị hại gồm:

- 2.000.000đ do Cán bộ điều tra Huỳnh Quốc D nộp vào tài khoản số 394909040469 mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Phú Yên ngày 05/3/2018.

- 3.500.000đ do Nguyễn Huỳnh Thanh T nộp vào tài khoản số 394909040469 mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Phú Yên vào các ngày 06/3/2018; 15/3/2018; 02/4/2018.

[5.2] Đối với vật chứng vụ án là các giấy nhận tiền của bị cáo, do bị hại giao nộp đã được đóng dấu bút lục và lưu theo hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Bá L bị kết án phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và còn tiếp tục bồi thường 769.500.000đ nên phải chịu 20.000.000 đồng + $(4\% \times 369.500.000\text{đ}) = 34.780.000\text{đ}$ (Ba mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bá L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Phạt: Bị cáo Nguyễn Bá L - 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/02/2018.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Bá L phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Xuân D 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*); bồi thường cho Phan Văn N 235.000.000đ (*Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng*); tiếp tục bồi thường số tiền còn chiếm đoạt cho Nguyễn Ngọc H 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*); cho Trần Minh T 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Tuyên trả số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) cho những người bị hại Nguyễn Xuân D, Phan Văn N, Nguyễn Ngọc H, Trần Minh T; gồm: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) do Cán bộ điều tra Huỳnh Quốc D nộp vào tài khoản số 394909040469 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Phú Yên ngày 05/3/2018; 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) do Nguyễn Huỳnh Thanh T nộp vào tài khoản số 394909040469 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Phú Yên vào các ngày 06/3/2018; 15/3/2018; 02/4/2018.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án, đối với vật chứng là các giấy nhận tiền của bị cáo do bị hại giao nộp.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Bá L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 34.780.000đ (*Ba mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm,

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Người bào chữa;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Phú Yên ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng

